

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 369/2026/DS-PT

Ngày: 30-6-2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Dư Thành Trung

Ông Dương Hà Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự số 294/2026/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 110/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 376/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 316/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 349/2026/QĐ-PT ngày 23/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm: 1985; địa chỉ: số E, đường N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Mai C, sinh năm: 1985; địa chỉ: số C, đường L, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 007352, quyền số 05/2025 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/5/2025), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Phước H, sinh năm: 1979. Luật sư của Công ty L1 - Đoàn Luật sư Thành phố H;

địa chỉ: số C, đường L, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa ngày 23/6/2026; xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/6/2026.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1947; địa chỉ: xóm I, thôn G, xã B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Minh Văn T, sinh năm: 1971; địa chỉ: thôn A, xã T, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1973/2026/CCGD do Văn phòng C2 chứng nhận ngày 19/6/2026), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Văn phòng C3; địa chỉ: số D, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị T1, là người đại diện theo pháp luật (Trưởng Văn phòng), vắng mặt.

2/ Ông Đinh Văn T2; địa chỉ: xóm D, xã B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

3/ Ông Phạm Duy P; địa chỉ: số A, đường N, phường B B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

4/ Ông Nguyễn Sơn H1, sinh năm: 1947; địa chỉ: số C, đường N, khu phố M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5/ Ông Lê Bá Đ1, sinh năm: 1968; địa chỉ: số A, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

6/ Ông Lê Công H2, sinh năm: 1972; địa chỉ: số A, đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

7/ Bà Chu Thị V, sinh năm: 1977; địa chỉ: tổ dân phố H, phường T, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

8/ Ông Nguyễn Đình T3, sinh năm: 1965; địa chỉ: số A, đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

9/ Ông Phan Thành P1, sinh năm: 1987; địa chỉ: số C, ngõ A, phố P, phường G, quận L (nay là phường V), Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

10/ Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: số F, ngõ G, phường B, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị N – Nguyên đơn; ông Nguyễn Văn Đ – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 06/12/2023 của bà Hoàng Thị N, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị Mai C, người đại diện theo ủy quyền của bà N, thì: do quen biết nhau nên ngày 19/01/2017 ông Nguyễn Văn Đ có vay của bà Hoàng Thị N số tiền là 900.000.000đ, lãi suất 01%/tháng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 19/01/2017; hai bên đã lập hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm và được

công chứng tại Văn phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 001427, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, trước mặt công chứng viên, ông Đ thừa nhận đã nhận đủ tiền của bà N. Tuy nhiên, đến nay ông Đ vẫn chưa trả cho bà N bất kỳ khoản tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của hợp đồng. Mặc dù bà N đã nhiều lần gặp và yêu cầu ông Đ thanh toán. Ngày 10/11/2023 bà N gửi thông báo đòi nợ đến địa chỉ cư trú của ông Đ, ông Đ đã nhận được thông báo của bà N vào ngày 11/11/2023 nhưng đến nay ông Đ vẫn không trả tiền gốc và tiền lãi.

Do đó bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho bà tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tổng là 1.645.200.000đ (trong đó tiền nợ gốc là 900.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày 13/12/2023 là 745.200.000đ).

- Theo nội dung đơn phản tố ngày 02/01/2024 của ông Nguyễn Văn Đ, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Minh Văn T, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, thì: Bà Hoàng Thị N khởi kiện ông Đ theo hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 19/01/2017 được công chứng tại Văn phòng C3 thì ông Đ không đồng ý vì đây là hợp đồng “không” để làm bằng chứng về việc Hoàng Thị N đứng ra lo vụ án khi Tòa án xét xử phúc thẩm tuyên 02 căn nhà phố là của ông Đ. Vụ án này bà N bỏ tiền ra để lo khi thắng kiện thì ông Đ sẽ đưa cho bà N 900.000.000đ theo hợp đồng công chứng nhưng vụ kiện không thắng như thỏa thuận, khi ký hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm là có mặt ông Đ, bà N và ông Phan Thành P1. Do bà Hoàng Thị N chưa đưa số tiền 900.000.000đ cho ông Đ nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đồng thời, ông Đ có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Hoàng Thị N phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 1.500.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất của Ngân hàng kể từ ngày 04/7/2018 đến khi xét xử xong vụ án, cụ thể ông có ký hợp đồng đặt cọc căn nhà tại thửa 586, tờ bản đồ 24 thôn D, xã L, huyện B (nay là xã B), tỉnh Lâm Đồng của ông Nguyễn Sơn H1 với giá là 3.500.000.000đ; đã đặt cọc trước 100.000.000đ, thỏa thuận đến ngày 02/7/2018 phải trả tiếp số tiền còn lại nếu không thì bên mua sẽ bị mất tiền cọc, ngày 01/7/2018 do ông không đủ tiền để mua căn nhà nói trên nên ông có gọi điện thoại cho bà N kể hết vấn đề không đủ tiền mua nhà của ông H1, bà N đã dẫn ông Phạm Duy P là Phó Giám đốc Ngân hàng N2 (A); địa chỉ: quốc lộ B, thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đến gặp ông Đ, ông P xem nhà, quyền sử dụng đất do bà N làm môi giới để chuyển nhượng cho ông P, ông P đồng ý nhận chuyển nhượng với giá là 5.300.000.000đ vì lời được 1.800.000.000đ với 100.000.000đ đặt cọc thành 1.900.000.000đ. Ông H1 đã nhận đủ số tiền 3.400.000.000đ vào ngày 04/7/2018 và đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Duy P; được công chứng tại Văn phòng C4. Số tiền lời được 1.900.000.000đ ông Đ đã nhờ bà N trả cho ông T2 400.000.000đ mà ông vay trước đó; số tiền 1.500.000.000đ còn lại

bà N không trả lại cho ông. Do vậy ông yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền 1.500.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/7/2018 đến 04/7/2025 (84 tháng) theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 1.045.800.000đ. Tổng số tiền bà Hoàng Thị N phải trả cho ông là 2.545.800.000đ. Yêu cầu hủy hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm tại Văn phòng C3.

- Tại biên bản lấy lời khai và văn bản trình bày của bà Hoàng Thị N thì: Ngày 19/01/2017 tại Văn phòng C3, bà và ông Nguyễn Văn Đ có ký kết hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm số công chứng 001427, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD với số tiền cho ông Đ vay là 900.000.000đ, lãi suất 01%/tháng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 19/01/2017. Do ông Đ nêu rõ mục đích vay là để thanh toán chi phí thuê luật sư trong các vụ án cá nhân nên nhằm đảm bảo khoản vay được sử dụng đúng mục đích và để bảo vệ quyền lợi của mình, bà thanh toán tiền cho các luật sư theo yêu cầu ông Đ, bà không tự ý thực hiện mà chỉ thay mặt ông Đ chi trả từ khoản vay mà hai bên đã thỏa thuận, theo đó bà nhờ ông Phan Thành P1 chuyển 50.000.000đ vào tài khoản Công ty L1, đến ngày 21/02/2017 bà cùng ông P1 và ông Nguyễn Văn Đ gặp ông Lê Bá Đ1 để trao đổi thêm về quá trình thanh toán hợp đồng dịch vụ pháp lý của ông Đ ký với Công ty luật Chu Vân R và nhờ ông P1 chuyển 650.000.000đ theo sự chỉ đạo của ông Đ vào tài khoản của ông Đ1 và trước khi mở phiên tòa bà đã thanh toán 200.000.000đ còn lại cho Công ty luật Chu Vân R nhưng không có chứng từ cung cấp, theo yêu cầu của ông Đ bà đã thanh toán 60.000.000đ cho Công ty L1 để hỗ trợ thêm pháp lý cho ông Đ có thỏa thuận Luật sư tham gia vụ án Hình sự, bà thanh toán cho luật sư Nguyễn Đình T3 100.000.000đ trong vụ án hình sự “Giao cấu với trẻ em” mà ông Đ đang là bị can được ông T3 xác nhận đã nhận số tiền 100.000.000đ nhưng không có hợp đồng, giấy biên nhận đã lâu bị mất không cung cấp được. Nên việc ông Đ vay bà là để trả khoản thuê Luật sư 900.000.000đ theo hợp đồng vay nhưng thực tế số tiền bà trả nhiều hơn nhưng không có hóa đơn.

- Tại văn bản ghi ngày 18/3/2025, Văn phòng công chứng Nguyễn Thị T1 trình bày: Việc bà N và ông Đ ký hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm đối với số tiền nêu trên được Văn phòng C3 chứng nhận ngày 19/01/2017, số công chứng 001427, hai bên đã xuất trình đầy đủ giấy tờ liên quan, việc công chứng hai hợp đồng nêu trên là đúng trình tự thủ tục quy định pháp luật. Văn phòng công chứng xin vắng mặt tất cả quá trình tố tụng và xét xử kết thúc vụ án.

- Tại văn bản ghi ngày 13/9/2024 ông Đinh Văn T2 trình bày: Ông không liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản giữa bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Văn Đ, ngoài ra ông không có bất kỳ yêu cầu độc lập nào trong vụ án nêu trên. Ông xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử các cấp.

- Tại đơn đề nghị ghi ngày 13/10/2025 ông Nguyễn Sơn H1 trình bày: Vì lý do công việc nên ông không thể đến Tòa án làm việc, ông xin đề nghị vắng mặt tất cả các phiên xét xử tại Tòa án. Ông cam đoan không liên quan đến hợp đồng Dân sự vay tài sản giữa ông Đ và bà N.

- Tại văn bản ghi ngày 21/10/2025 ông Phan Thành P1 trình bày: Ngày 08/6/2025 ông có lời khai gửi Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng) là ông có nghe nói bà N dùng số tiền 900.000.000đ chuyển cho Luật sư tham gia vụ án phúc thẩm thụ lý số 177/2015/TLPT-DS ngày 10/8/2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ án: “*Tranh chấp đòi tài sản*” do Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2015/DS-ST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo. Nay ông xin xác nhận lại sự việc như sau: ngày 23/12/2016 bà Hoàng Thị N có giao cho ông 50.000.000đ để thanh toán phí dịch vụ cho Công ty L1 theo hợp đồng dịch vụ pháp lý mà Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ ở cấp phúc thẩm, đến ngày 21/02/2017 ông có cùng bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Văn Đ gặp ông Lê Bá Đ1 để trao đổi về vụ án và thanh toán phí dịch vụ tiếp theo cho Công ty L1 trách nhiệm hữu hạn Chu Vân R. Sau khi gặp ông Đ1, bà Hoàng Thị N có giao cho ông 650.000.000đ để nhờ đến ngân hàng nộp vào tài khoản của ông Lê Bá Đ1 theo yêu cầu của bà N và đã giao lại các phiếu nộp tiền bản gốc cho bà Hoàng Thị Ngọc G. Số tiền 700.000.000đ bà Hoàng Thị N có giao cho ông để thanh toán chi phí cho Luật sư cho ông Đ. Do khoảng cách địa lý, bận nhiều việc cá nhân nên ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hoà giải, phiên toà xét xử sơ thẩm, phiên toà xét xử phúc thẩm của vụ án trên.

- Tại lời trình bày của bà Chu Thị V thì: Bà nhận được giấy triệu tập của Tòa án; theo nội dung của giấy triệu tập thì bà là người liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản giữa bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên, việc tranh chấp nói trên là việc của cá nhân của bà N và ông Đ, bà hoàn toàn không liên quan đồng thời cũng không có bất kỳ tranh chấp nào với ông Đ, bà N, do đó không có gì để trình bày. Do bận nhiều việc bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hoà giải, phiên toà xét xử sơ thẩm, phúc thẩm vụ án trên.

- Tại Văn bản ghi ngày 07/11/2025, ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ngày 31/10/2017 Công ty L1 do ông là đại diện có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 31/HĐDVPL với bà Hoàng Thị N, theo thoả thuận của hợp đồng thì bà N yêu cầu Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn hăng luật Hưng Yên tham gia tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ, là cha nuôi của bà N, tại cấp phúc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong vụ án dân sự “Đòi tài sản” mà ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn, theo thoả thuận thì thù lao thuê luật sư là 60.000.000đ; bà Hoàng Thị N đã thanh toán toàn bộ số tiền thù lao 60.000.000đ cho Công ty. Về phía Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Hăng

luật L1 cũng cử luật sư tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ trong vụ án nêu trên đúng theo hợp đồng dịch vụ pháp lý mà hai bên đã kết. Hai bên đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng nên đồng đã chấm dứt hiệu lực. Ông đề nghị giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hoà giải, phiên toà xét thẩm, phúc thẩm vụ án trên.

- Tại Văn bản ghi ngày 29/11/2025, ông Nguyễn Đình T3 trình bày: Ông là luật sư bào chữa chính trong vụ án “Giao cấu với trẻ em” cho ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947. Ngày 10/12/2017 ông có nhận của bà Hoàng Thị N 100.000.000đ để thanh toán đi lại cho 11 luật sư bào chữa cho ông Đ bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội giao cấu với trẻ em, ông và các luật sư đã tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ trong vụ án nêu trên, kết quả giải quyết là ông Đ được miễn trách nhiệm Hình sự, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm.

- Theo lời trình bày của ông Phạm Duy P thì: Việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Hòa N1 và ông Đ thì cá nhân ông không liên quan, đồng thời ông không có bất kỳ tranh chấp nào với ông Đ nên xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành:

Tại Bản án số 110/2025/DS-ST ngày 24/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng đã xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị N đối với khởi kiện yêu cầu tiền lãi phát sinh là 745.000.000đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Ngọc B ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị N số tiền 700.000.000đ.

3. Không chấp nhận một phần khởi kiện của bà Hoàng Thị Ngọc K vay 200.000.000đ.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ. Bị đơn có quyền yêu cầu khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/01/2026 bà Hoàng Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Ngày 14/01/2026 ông Nguyễn Văn Đ, ông Minh Văn T, là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tuyên hợp đồng vay tài sản vô hiệu và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà

Hoàng Thị N, buộc ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền 700.000.000đ.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Văn Đ, ông Minh Văn T, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N, ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị N, ông Nguyễn Văn Đ; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị N thì thấy rằng: Tại hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm giữa bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Văn Đ được Văn phòng C3 chứng nhận số 001427, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2017, theo đó bà **N cho ông Đ vay số tiền 900.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng kể** từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay để kinh doanh, lãi suất 1%/tháng được thanh toán vào ngày 18 dương lịch mỗi tháng.

Theo bà N trình bày thì việc bà và ông Đ ký hợp đồng vay tiền nói trên là để đảm bảo khoản vay do hai bên thỏa thuận bà sẽ thanh toán các khoản thuê Luật sư. Mặc dù ông Đ ký hợp đồng vay tiền nhưng bà không giao tiền cho ông Đ mà giữ lại để trả tiền thuê Luật sư thay cho ông Đ khi các Luật sư này tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ trong vụ án Dân sự “*Đòi tài sản*” và bào chữa cho ông Đ trong vụ án Hình sự “*Giao cấu trẻ em*”. Ông Đ cũng cho rằng không nhận tiền trực tiếp từ bà N theo hợp đồng vay tiền nói trên. Tuy nhiên, dù bà N có thanh toán tiền cho Luật sư trong vụ án “*Kiện đòi tài sản*” nhưng do không thắng kiện nên ông không đồng ý trả lại tiền cho bà N.

Như vậy, dù giữa bà N và ông Đ ký hợp đồng vay tiền với nội dung ông Đ vay của bà N 900.000.000đ, tuy nhiên bà N và ông Đ đều thừa nhận thực tế hai bên không tiến hành giao nhận tiền theo hợp đồng vay tiền này mà việc hai bên ký hợp đồng vay là để làm cơ sở cho bà N thanh toán tiền thuê Luật sư nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ đối với vụ án Dân sự mà ông Đ là nguyên đơn, vấn đề này được các bên đương sự thừa nhận.

[3] Xét thấy, giữa ông Nguyễn Văn Đ và ông Lê Bá Đ1 có ký hợp đồng dịch vụ, theo đó “ông Đ1 đồng ý tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là người đại diện theo ủy quyền trong vụ án “Kiện đòi tài sản”, trên cơ sở Bản án số 03/2015/DS-ST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, thù lao của hợp đồng là 900.000.000đ với điều kiện ông Đ thắng kiện không phải trả lại tiền cho bà Nguyễn Thị Thu T4 và ông Phan Thanh L...”.

Tại giấy nộp tiền ngày 21/02/2017 tại Ngân hàng S, Phòng G1 (BL 589) thể hiện “Người nộp tiền Phan Thành P1 chuyển tiền cho ông Lê Bá Đ1 với nội dung: ông Nguyễn Văn Đ chuyển tiền theo hợp đồng dịch vụ đòi lại tài sản trên cơ sở Bản án số 03/2015/DS-ST ngày 15/5/2015, số tiền 650.000.000đ (BL 522)”.

Tại giấy biên nhận ngày 24/02/2017 (BL 590) thể hiện “Tôi Lê Bá Đ1 và ông Lê Công Hoàng H2...chúng tôi có nhận của ông Nguyễn Văn Đ ..Nay tôi nhận số tiền của bác Đ là 650.000.000đ để làm theo hợp đồng dịch vụ ngày 28/12/2016 và hợp đồng ủy quyền ngày 28/12/2016. Nếu không thực hiện được như trong giấy ủy quyền, thời hạn là 60 ngày thì tôi Lê Bá Đ1 và Lê Công Hoàng H2 hoàn lại số tiền cho bác Đ”.

Phiếu thu ngày 23/12/2016 của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Chu Vân R thể hiện (BL 588) “người nộp Phan Thành P1 cho Công ty số tiền 50.000.000đ”.

Tại Văn bản xác nhận và đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 21/10/2025 (BL 560) ông Phan Thành P1 trình bày: “...Ngày 23/12/2016 bà Hoàng Thị N có giao cho tôi số tiền 50.000.000đ để tôi thanh toán phí dịch vụ cho Công ty L1 (Đoàn Luật sư Thành phố H) theo hợp đồng dịch vụ pháp lý mà luật sư tham gia bảo vệ cho ông Đ đối với Bản án số 03/2015/DS-ST ngày 15/5/2015 (ông Đ kháng cáo). Ngày 21/01/2017 tôi cùng bà N và ông Đ gặp ông Lê Bá Đ1 để trao đổi về vụ án và thanh toán phí dịch vụ tiếp theo cho Công ty L1 trách nhiệm hữu hạn Chu Vân R. Sau khi gặp ông Đ1, bà N có giao cho tôi 650.000.000đ để tôi đến Ngân hàng nộp vào tài khoản của ông Lê Bá Đ1, trong cùng ngày 21/01/2017 tôi nộp số tiền 650.000.000đ vào tài khoản của ông Đ1 theo yêu cầu của bà N, sau khi nộp tiền tôi đã giao các phiếu nộp tiền gốc cho bà N cất giữ. Toàn bộ số tiền 700.000.000đ nêu trên là tiền của bà N cho ông Đ vay tiền để thanh toán phí luật sư cho ông Đ trong vụ án Dân sự nêu trên...”.

Đồng thời, tại Thông báo ngày 10/10/2017 (BL 606) thể hiện “Tôi tên là Nguyễn Văn Đ...tôi gửi thông báo này đến Luật sư Chu Thị V – Giám đốc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Chu Vân R và ông Lê Bá Đ1 - Đại diện Công ty..Ngày 15/12/2016 tôi có làm đơn yêu cầu luật sư để ông Đ1 và bà V tham gia bảo vệ cho tôi theo Bản án số 03/2015/DS-ST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (chưa có hiệu lực). Ngày 28/12/2016 tôi có ký hợp đồng với ông Lê Bá Đ1 và ủy quyền, thù lao là 900.000.000đ, nếu trong vòng 60 ngày kể từ ngày tôi ủy

quyền (tức ngày 28/12/2016 đến ngày 28/02/2017) nếu ông Đ1, bà V không thực hiện như đã thỏa thuận thì phải trả lại số tiền đã nhận cho tôi. Ngày 23/12/2016 các cháu tôi Phan Thành P1, Hoàng Thị N có giao cho ông Lê Công Hoàng H2 50.000.000đ...Ngày 24/02/2017 tôi có gặp ông Đ1 và ông H2 bàn giao số tiền 650.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng cho đại diện Công ty của bà, tiếp đó ông Đ1 đã chuyển khoản cho bà ngày 27/02/2017 và bà đã có phiếu thu cho tôi (có biên lai)...Do đó tôi làm thông báo này gửi đến bà, yêu cầu bà thanh toán cho tôi số tiền 700.000.000đ đã nhận”.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ thừa nhận có ký vào giấy vay tiền nói trên nhưng không được nhận tiền; còn số tiền mà bà N đã thanh toán cho các Luật sư thì ông không biết, không có liên quan, những số tiền này không phải là của ông dùng trả cho các Luật sư này. Tuy nhiên; theo hồ sơ thể hiện thì có việc ông Đ yêu cầu Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Chu Văn R và ông Lê Bá Đ1 - Đại diện Công ty tham gia bảo vệ cho ông theo Bản án số 03/2015/DS-ST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (chưa có hiệu lực). Ngày 28/12/2016 ông Đ có ký hợp đồng với ông Lê Bá Đ1 và ủy quyền, thù lao là 900.000.000đ, thỏa thuận nếu trong vòng 60 ngày kể từ ngày ủy quyền (tức ngày 28/12/2016 đến ngày 28/02/2017) nếu ông Đ1, bà V không thực hiện như đã thỏa thuận thì phải trả lại số tiền đã nhận cho ông Đ. Trong thực tế bà N đã thanh toán chi phí Luật sư cho ông Đ đối với sự việc nói trên, do vậy việc ông Đ thoái thác trách nhiệm đối với nghĩa vụ thanh toán tiền thù lao cho các Luật sư mà bà N đã yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đ là không có căn cứ, cũng không phù hợp với thực tế cũng như phạm trù đạo đức và mối quan hệ giữa bà N và ông Đ.

[5] Tại hợp đồng dịch vụ pháp lý số 31/HDDVPL ngày 31/10/2017 thể hiện giữa bà N và Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 ký hợp đồng dịch vụ pháp lý (BL 593) thể hiện nội dung “*Xuất phát từ việc ông Nguyễn Văn Đ là bố nuôi của khách hàng có nhu cầu nhờ hãng luật Hưng Yên cử luật sư Nguyễn Văn Q bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ trong vụ kiện Dân sự phúc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Đ là nguyên đơn trong vụ án Dân sự sơ thẩm “Đòi tài sản” trong suốt quá trình xét xử...Thù lao luật sư và thanh toán: Không phụ thuộc vào kết quả giải quyết vụ án, các bên thỏa thuận thù lao Luật sư trọn gói cho toàn bộ các công việc được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), chưa bao gồm 10% thuế GTGT. Khoản thù lao cho Luật sư nói trên được khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua Ngân hàng, chủ tài khoản: Hãng luật Hưng Yên, số tài khoản 0531002478647, Ngân hàng N3 (VI)...”.*

Tại phiếu thu ngày 31/10/2017 (BL 587) thể hiện “*Người nộp tiền bà Hoàng Thị N tạm ứng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 theo hợp đồng pháp lý số 31/HDDVPT số tiền 10.000.000đ”.*

Tại Văn bản trình bày của ông Nguyễn Văn Q (BL 498) thể hiện nội dung *“Ngày 31/10/2017 Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hăng luật L1 do tôi (Nguyễn Văn Q) là người đại diện có ký hợp đồng dịch vụ số 31/HDDVPT với bà Hoàng Thị N, theo thỏa thuận của hợp đồng thì bà N yêu cầu thuê Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn hăng luật Hưng Yên tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ (bố nuôi của bà N) ở cấp phúc thẩm với tư cách là nguyên đơn trong vụ “Đòi tài sản”. Theo thỏa thuận thì thù lao luật sư là 60.000.000đ, bà N đã thanh toán toàn bộ số tiền 60.000.000đ cho Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hăng luật L1, Công ty đã cử Luật sư tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ trong vụ án nói trên theo thỏa thuận tại hợp đồng dịch vụ pháp lý mà hai bên đã ký kết, hai bên đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng nên hợp đồng đã chấm dứt hiệu lực...”*.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ cho rằng ông không nhờ bà N thuê luật sư nên không đồng ý với số tiền 60.000.000đ thuê luật sư nói trên. Mặc dù ông Q thừa nhận đã nhận số tiền này của bà N, tuy nhiên không có hợp đồng dịch vụ pháp lý, hơn nữa ông Đ không thừa nhận nhờ bà N thuê luật sư Q nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền này là phù hợp.

[6] Đối với số tiền 100.000.000đ bà N trình bày thanh toán cho Luật sư Nguyễn Đình T3 (Văn phòng L2, thuộc đoàn Luật sư Thành phố H), ông T3 có xác nhận đã nhận số tiền 100.000.000đ (BL 515). Tại giấy xác nhận (BL 515) thể hiện *“Tôi tên Nguyễn Đình T3... Vào năm 2017 tôi có nhận của chị Hoàng Thị N số tiền 100.000.000đ để thanh toán các khoản thuê Luật sư tham gia bảo vệ cho ông Nguyễn Văn Đ bị truy tố về tội “Giao cấu với trẻ em” và vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết tại Bản án số 15/2018/HS-ST ngày 12/5/2018”*.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ cho rằng ông Đ không nhờ bà N thuê Luật sư nên ông không đồng ý với số tiền 100.000.000đ thuê Luật sư nói trên. Xét thấy, đối với số tiền này mặc dù ông T3 thừa nhận đã nhận số tiền này của bà N, tuy nhiên không có hợp đồng dịch vụ pháp lý, hơn nữa ông Đ không thừa nhận nhờ bà N thuê Luật sư đối với số tiền này nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông Đ phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 700.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ thì thấy rằng: trên thực tế giữa bà N và ông Đ ký hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm với số tiền vay là 900.000.000đ, tuy nhiên bà N và ông Đ thừa nhận thực tế hai bên không tiến hành giao nhận tiền theo hợp đồng vay tiền này mà thực tế ông Đ vay tiền của bà N và để bà N thanh toán tiền thuê Luật sư nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

cho ông Đ trong vụ án Dân sự tại Tòa án là có xảy ra trong thực tế. Như trên đã phân tích, do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông Đ có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 700.000.000đ nên việc ông Đ kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, nguyên đơn và bị đơn có đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới so với các tài liệu, chứng cứ đã được cấp sơ thẩm thu thập để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà N và ông Đ; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[9] Các phần khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

[10] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị N phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Bà N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Do ông Đ là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi và có đơn miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định nên căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; để miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và phúc thẩm ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N, ông Nguyễn Văn Đ; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 110/2025/DS-ST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N về việc: “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị N số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

3. Các phần khác của Bản án không có kháng cáo kháng nghị thì đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Đ.

Bà Hoàng Thị N phải chịu 10.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 30.678.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006758 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng). Bà N được nhận lại 20.680.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Đ.

Bà Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002908 ngày 13/02/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng; bà N đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Gđ, Ktr, Ttr & THA (01);
- TAND khu vực 4 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 4 - Lâm Đồng (01);
- Các đương sự (12);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch